

Bản án số: 100/2019/HS-PT
Ngày: 10/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Trần Quốc Cường

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 355/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo: Phạm H về tội “*Giết người*”. Do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HS-ST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Phạm H (Tên gọi khác: Phạm Ngọc Đ), sinh năm 1966 tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T (chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ: Huỳnh Thị H; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 20/01/2018, từ ngày 20/01/2018 đến ngày 11/7/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 11/7/2018 bị bắt tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Nguyễn Công T, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Công T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Người bị hại:

Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1972 (chết).

Đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Ông Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1936 (Là cha đẻ của người bị hại Nguyễn Ngọc H1). Vắng mặt.

Trú tại: Xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Ngọc H2: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 20/07/1976; trú tại: tỉnh Kon Tum; Có mặt.

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1944 (Là mẹ đẻ của người bị hại Nguyễn Ngọc H1). Vắng mặt.

Trú tại: Xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp bà Phạm Thị T: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/01/1984; trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Ngọc T1 (tên gọi khác: Huỳnh Trọng T), sinh năm 1972; trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1971; trú tại: tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Ông Đỗ Ngọc V, sinh năm 1955; trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1949; trú tại: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1973; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1965; trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969; trú tại: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

5. Ông Trịnh Văn H3, sinh năm 1972; trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

6. Ông Đỗ Ngọc Â, sinh năm 1970; trú tại: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh

Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm H, Nguyễn Ngọc T1 và Nguyễn Ngọc H1 đều quen biết nhau và cùng sinh sống ở xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vào chiều ngày 29/7/1992, Phạm H gặp Nguyễn Ngọc T1 đi làm về, H rủ T1 vào nhà, uống rượu, trong lúc uống rượu H rủ T1 tới đi xem cải lương tại sân bãi xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày H và T1 đi qua nhà anh Ngô Văn S rủ xem cải lương; trên đường đi H nói với T1 là tối nay tìm anh H1 để nói chuyện (*giải quyết mâu thuẫn lời qua tiếng lại giữa H và H1 trước đó*), T1 nghe H nói vậy nhưng không nói gì và đồng ý cùng đi với H. Khi đi ngang qua nhà anh Đỗ Ngọc V, H vừa đi vừa nhìn lên mái nhà của anh V (*mái nhà ngang tầm đầu H*) thấy con dao tự chế màu đen (theo lời khai của H con dao có đặc điểm: dài khoảng 25 cm, phần cán dao bằng nhựa màu đen, dài 10 cm; phần lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 15 cm, một mặt cắt, lưỡi dao nhọn) được găm trên mái nhà, H liền lấy và lặn vào trong thắt lưng quần (*con dao này anh V tự chế tạo và cắt trên mái nhà để phục vụ trong sinh hoạt*), anh T1 và anh S đi trước không thấy H lấy dao. Sau đó H, T1 và anh S vào quán của chị Huỳnh Thị S (*gần sân bãi xã T*) để nhậu chờ xem cải lương. Khi vào quán chị S ngồi nhậu thì H, T1 và S gặp anh H1, Trịnh Văn H3 và Phạm Văn T2 cũng đang ngồi nhậu. Bàn nhậu của H1, T2, H2 tính tiền đi vào sân bãi xem cải lương trước, còn bàn nhậu của H tính tiền đi vô sau (*Khi nhậu tại quán chị S thì giữa H và H1 không có nói chuyện gì với nhau*).

Đến khoảng 20 giờ 30 phút, H và T1 đi vào sân bãi xã T thì gặp anh H1 đang đứng gần anh H2 xem cải lương nên H gọi H1 đi ra ngoài để nói chuyện (*giải quyết mâu thuẫn giữa H và H1 trước đó*), khi H và H1 đi cách chỗ H1 và H2 đứng khoảng 2 m thì T1 từ phía sau xông tới, dùng tay chân đánh H1 nhiều cái, T1 và H1 đánh nhau qua lại thì H đến giữa hai người để can ra (*T1 đứng bên trái, H1 đứng bên phải của H*) thì bất ngờ có bàn tay đánh trúng vào mặt H (*H không xác định được ai đã đánh*), H nghĩ do bị H1 đánh nên H liền dùng tay phải rút con dao lặn trong thắt lưng quần mang theo trước đó đâm một nhát từ ngoài vào trong trúng vào vùng bụng của anh H1, sau khi đâm xong H bảo T1 chạy và nói “*Tao đâm nó rồi*”, T1 nói lại “*anh đâm ảnh chi*”, lúc đó anh T2 có giữ H lại thì H nói “*Bỏ tao ra chứ không tao đánh luôn đó*”. Anh T2 nghe H nói vậy nên bỏ H ra, H lặn con dao lại vào người cùng với T1 chạy vào khu rừng (*thuộc thôn B, xã T*) trốn. Trên đường chạy trốn H lấy con dao vừa gây án cất giấu trong

vườn của ông Phan Thanh D ở gần nhà H. H và T1 trốn đến khoảng 01 giờ sáng, ngày 30/7/1992 H đi về nhà để nắm tình hình sức khỏe của anh H1 thì gặp và nghe Phạm Thị T (*em gái H*) nói anh H1 đã chết. Sau đó, H vào nhà lấy quần áo, giấy tờ tùy thân, khẩu súng K63 và 12 viên đạn đi qua nhà đưa cho ông D khẩu súng K63 và 12 viên đạn nhờ ông D cất giữ để giao nộp cho cơ quan Công an (khẩu súng có được là vào năm 1991, H được đơn vị phân công đi áp tải hàng hóa của Quân đội và được cấp khẩu súng K63 để phục vụ công tác. Sau khi xuất ngũ H mang khẩu súng trên về nhà cất giữ và để đi săn thú rừng, trong thời gian cất giữ khẩu súng trên H chỉ sử dụng vào việc săn bắt thú rừng chứ không dùng vào việc vi phạm pháp luật). Sau đó, H đi vào rừng gặp T1 và nói T1 đi về nhà còn H sẽ bỏ trốn. Đến trưa ngày 30/7/1992, H đón xe đi vào tỉnh Khánh Hòa trốn và đổi tên thành Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1966, đến ngày 11/01/2018 thì bị bắt. Còn T1 sau khi nghe tin H bỏ trốn, sợ bị Cơ quan Công an bắt giữ nên cũng bỏ trốn vào tỉnh Bình Phước và đổi tên thành Huỳnh Trọng T. Đến ngày 09/02/2018, T1 đến Công an tỉnh Quảng Ngãi đầu thú. Ngày 30/7/1992, ông D đã giao nộp khẩu súng K63 và 12 viên đạn trên cho Công an xã T.

Ngày 30/7/1992; Cơ quan CSĐT (PC 16) Công an tỉnh Quảng Ngãi tiến hành khám nghiệm tử thi Nguyễn Ngọc H1.

Tại bản giám định pháp y số: 38/1992/PY ngày 31/7/1992 của pháp y thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi kết luận: “*Vết thương thấu bụng vào mạng sườn trái gây xuyên thủng gan trái và đứt bờ lách làm chảy máu trong ổ bụng, do vật sắc tác động mạnh*”.

Ngày 17/01/2018, Cơ quan CSĐT (PC 45) Công an tỉnh Quảng Ngãi đã ra Quyết định trưng cầu giám định đường vân số 27/QĐ-CSĐT(PC45-Đ4): Xác định danh chỉ bản của Phạm Văn H và Phạm H có trùng nhất là của một người không? Ngày 19/01/2018, Phòng Kỹ thuật Công an tỉnh Quảng Ngãi có Kết luận số 215/KLGD, kết luận: “*Các dấu in trên chỉ bản kèm theo Danh bản họ tên:*

Phạm Văn H (tên gọi khác: Phạm Ngọc Đ), sinh năm 1967; quê quán: T, T, Quảng Ngãi; nơi ĐKTT: T, T, Quảng Ngãi và các dấu vân tay trên chỉ bản kèm theo tờ khai CMND họ tên: Phạm H, sinh năm 1966, nơi sinh: T, T, Nghĩa Bình; nguyên quán: T, T, Nghĩa Bình; nơi thường trú: Đội 15, thôn B, xã T do phòng PC64 Công an tỉnh Quảng Ngãi cung cấp là do cùng một người in ra”.

Ngày 01/02/2018, Cơ quan CSĐT (PC45) Công an tỉnh Quảng Ngãi đã ra Quyết định trưng cầu giám định đường vân số: 37/QĐ-CSĐT(PC45-Đ4): Xác định đường vân trên CMND mang tên Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1966 với danh chỉ bản của Phạm Văn H, sinh năm 1967; tờ khai CMND mang tên Phạm H, sinh

năm 1966 có trùng nhất là do một người in ra không? Ngày 05/02/2018, Phòng Kỹ thuật Công an tỉnh Quảng Ngãi có Kết luận số 243/KLGD, kết luận: “Các dấu vân in trên Chứng minh nhân dân số: 225362454, họ tên: Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1966, nguyên quán: Quảng Ngãi, nơi ĐKHKT: C, C, Khánh Hòa. Danh chỉ bản của người bị bắt theo Quyết định truy nã đặc biệt nguy hiểm, người bị tạm giữ theo hồ sơ tố tụng là: Phạm Văn H, sinh năm 1967; nơi ĐKHKT: Xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và trên chỉ bản kèm theo tờ khai CMND họ tên: Phạm H, sinh năm 1966; nơi sinh: T, T, Nghĩa Bình; nguyên quán: T, T, Nghĩa Bình; nơi thường trú: Đội 15, thôn B, xã T do Phòng PC 46 Công an tỉnh Quảng Ngãi cung cấp là do cùng một người in ra”.

Bản cáo trạng số 922/QĐ-VKS ngày 02/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm H về tội “Giết người” theo điểm g khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 1985.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 101; Điều 25 Bộ luật hình sự năm 1985; Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm H phạm tội “Giết người”.

Xử phạt bị cáo Phạm H 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 11/7/2018 và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 20/01/2018.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/10/2018 người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Ngọc L kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm H; xét xử Nguyễn Ngọc T1 với vai trò đồng phạm với Phạm H về tội “Giết người” và buộc bồi thường tiền tổn thất tinh thần với số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 12/10/2018 bị cáo Phạm H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Ngọc L và bị cáo Phạm H giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Hành vi của bị cáo Phạm H bị Tòa án nhân

dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt về tội “*Giết người*” theo điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và xử phạt bị cáo 17 năm tù là phù hợp. Nguyễn Ngọc T1 không phải là đồng phạm và tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Ngọc T1 tự nguyện chấp nhận bồi thường tiền tổn thất tinh thần 61.000.000 đồng theo yêu cầu của đại diện gia đình người bị hại nên công nhận sự thỏa thuận này. Do đó, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm H; chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại và sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm H phù hợp với lời khai của những người làm chứng Nguyễn Ngọc M, Phạm Văn T2, Huỳnh Thị S, Nguyễn Thị H1, Trịnh Văn H3 và Đỗ Ngọc Â; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 30/7/1992, biên bản khám nghiệm tử thi ngày 30/7/1992 và các vật chứng thu giữ; phù hợp với các kết luận giám định số 38/1992/PY ngày 31/7/1992, số 215/KLGĐ ngày 19/01/2018 và số 243/KLGĐ ngày 05/2/2018 và các tài liệu chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, với hành vi phạm tội của bị cáo Phạm H, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kết án về tội: “*Giết người*” theo điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985 là có căn cứ và đúng người và đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm H và đại diện hợp pháp của người bị hại ông Nguyễn Ngọc L:

[2.1] Về hình phạt đối với bị cáo Phạm H: Hành vi của bị cáo Phạm H là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xem thường pháp luật; xâm phạm đến tính mạng của người khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm sau khi đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; gia đình bị cáo bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại; không có tiền án, tiền sự để quyết định xử phạt bị cáo với mức hình phạt 17 năm tù, trên mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp. Cho nên, cấp phúc thẩm không thể chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của đại diện hợp pháp người bị hại.

[2.1] Về trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Ngọc T1:

Tuy tại thời điểm bị cáo Phạm H dùng dao đâm bị hại Nguyễn Ngọc H1 thì Nguyễn Ngọc T1 có tham gia xô xát nhưng Nguyễn Ngọc T1 không xúi giục,

không biết bị cáo V chuẩn bị dao và giữa bị cáo H và Nguyễn Ngọc T1 cũng không có sự bàn bạc nhất trí trước khi bị cáo H đâm bị hại H1. Cho nên, Nguyễn Ngọc T1 không đồng phạm với bị cáo Phạm H và cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Ngọc T1 là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Đại diện hợp pháp người bị hại kháng cáo cho rằng đã bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Ngọc T1 không được chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu bồi thường về bù đắp tổn thất tinh thần: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của gia đình bị hại là ông Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu bị cáo và ông Nguyễn Ngọc T1 bồi thường tiền tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng; bản án sơ thẩm đã buộc bồi thường số tiền 139.000.000 đồng và đề nghị bồi thường thêm là 61.000.000 đồng. Yêu cầu của đại diện của gia đình bị hại được ông Nguyễn Ngọc T1 chấp nhận nên hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[3] Do không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo Phạm H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm g khoản 1 Điều 101 và Điều 25 Bộ luật hình sự năm 1985; Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm H; chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại và sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự:

Xử phạt: Bị cáo Phạm H 17 (*mười bảy*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 11/7/2018 và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/01/2018 đến ngày 20/01/2018.

- Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Buộc bị cáo Phạm H chịu trách nhiệm bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho gia đình người bị hại số tiền là 139.000.000 đồng (*một trăm ba mươi chín triệu đồng*).

+ Công nhận sự thỏa thuận về việc ông Nguyễn Ngọc T1 chịu trách nhiệm bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho gia đình người bị hại số tiền là 61.000.000 đồng (*sáu mươi một triệu đồng*).

- Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về lỗi chậm thi hành án, về án phí sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo Phạm H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.050.000 đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh